

THÔNG BÁO**KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ**

về Đề án "Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá"

Tại phiên họp ngày 31-3-2009, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Chương trình báo cáo Đề án "Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá", Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận : Cơ bản tán thành các nội dung về mục tiêu, phạm vi, quan điểm, các nhiệm vụ nêu trong Tờ trình và Đề án mà Ban Chỉ đạo Chương trình báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư, đồng thời lưu ý thêm một số vấn đề sau :

- Đồng ý chọn 10 xã thuộc 10 tỉnh, thành phố đại diện cho các vùng kinh tế - văn hoá khác nhau để chỉ đạo điểm như nêu trong Đề án. Cần bổ sung thêm một xã ngoại thành Hà Nội để cùng với một xã ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng mô hình thí điểm cho các xã ven đô thị của các thành phố, thị xã. Cùng với các xã được chọn chỉ đạo điểm của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới của Trung ương, các tỉnh, thành phố khác cũng cần lựa chọn một số xã của mỗi địa phương để chỉ đạo điểm, chuẩn bị tích cực cho việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới khi được triển khai rộng sau này.

- Về các tiêu chí xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới, trên cơ sở các tiêu chí do Chính phủ ban hành, các tỉnh, thành phố thuộc diện chỉ đạo điểm từ thực tiễn có thể bổ sung cho phù hợp.

- Về cách làm, điều hết sức quan trọng là phải phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân, thu hút sự tham gia tích cực, sáng tạo của nhân dân ở các xã thí điểm với sự hỗ trợ của Nhà nước, rút ra những kinh nghiệm để có thể nhân rộng khi triển khai đại trà sau này.

- Đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo chương trình ở Trung ương, cấp tỉnh và ban quản lý chương trình ở cấp xã để thực hiện chương trình thí điểm. Các bộ, ngành chức năng có liên quan nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng, cấp vốn, quản lý và thanh quyết toán vốn trong thực hiện chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới ở các xã chỉ đạo điểm.

Nơi nhận :

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Đảng đoàn Quốc hội,
- Ban cán sự đảng Chính phủ,
- Ban cán sự đảng các Bộ : Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Tổ chức Trung ương,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Ban Dân vận Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ



Trương Tấn Sang

*

KẾ HOẠCH

công tác của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng thị điểm mô hình nông thôn mới đến cuối năm 2009

Căn cứ Thông báo kết luận số 238-TB/TW, ngày 07-4-2009 của Ban Bí thư Trung ương và Đề án "Chương trình xây dựng thị điểm mô hình nông thôn mới" được Ban Bí thư thông qua; để bảo đảm tiến độ thực hiện Đề án, Ban Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch thực hiện các công việc đến cuối năm 2009 và phân công các thành viên Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện để hoàn thành các công việc theo tiến độ như sau :

Tháng 4-2009 :

- Hoàn chỉnh Đề án Chương trình xây dựng thị điểm mô hình nông thôn mới theo Kết luận của Ban Bí thư và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình; phân công các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc để chỉ đạo từng xã; xây dựng kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo đến hết năm 2009.

+ Thường trực Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc thực hiện, hoàn thành trước ngày 10-4-2009.

- Xây dựng thông tư hướng dẫn về cơ chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản tại các xã điểm.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện, hoàn thành trước ngày 30-6-2009.

- Xây dựng thông tư hướng dẫn về cơ chế tài chính đầu tư cho các xã điểm.

+ Bộ Tài chính thực hiện, hoàn thành trước ngày 30-6-2009.

- Xây dựng thông tư hướng dẫn về quy hoạch nông thôn mới tại các xã điểm, trong đó bao gồm : Tiêu chuẩn quy hoạch, quy hoạch mẫu các xã...

+ Bộ Xây dựng thực hiện, hoàn thành trước ngày 30-6-2009.

- Xây dựng hướng dẫn đề án mẫu và quy trình xây dựng, phê duyệt đề án mô hình nông thôn mới cho các xã điểm.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện hoàn thành trước ngày 30-6-2009.

Tháng 5-2009 :

Tổ chức xây dựng xong đề án tại các xã điểm (các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo trực tiếp phối hợp với các tỉnh để thực hiện ở các xã theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo).

Tháng 6-2009 :

- Ban Chỉ đạo xem xét, phê duyệt 11 đề án xã điểm nông thôn mới.
- Tổ chức triển khai thực hiện đề án mô hình điểm ở các xã.

Từ tháng 7 đến tháng 11-2009 :

- Ban Chỉ đạo Trung ương và ban chỉ đạo tỉnh, thành phố kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đề án tại các xã điểm.

- Tháng 9-2009 : Ban chỉ đạo tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2010.

Tháng 12-2009 :

- Các ban chỉ đạo địa phương tiến hành sơ kết việc triển khai tổ chức thực hiện đề án các xã điểm.

- Ban Chỉ đạo Trung ương tiến hành sơ kết năm đầu tổ chức thực hiện mô hình xã điểm và triển khai kế hoạch năm 2010.

Nơi nhận :

- Ban Bí thư (để báo cáo),
- Các thành viên Ban Chỉ đạo,
- 11 tỉnh, thành phố có xã điểm,
- Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**



Ngô Văn Dụ

DANH SÁCH

11 xã thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới

Trên cơ sở đó, căn cứ vào đề xuất của các tỉnh, danh sách các mô hình điểm được lựa chọn như sau :

- 1- Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội (đại diện cho vùng ven đô của các tỉnh phía Bắc).
 - 2- Xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (đại diện cho vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc).
 - 3- Xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (đại diện cho đồng bằng Sông Hồng).
 - 4- Xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (đại diện cho vùng trung du).
 - 5- Xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (đại diện cho khu vực miền Trung).
 - 6- Xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (đại diện cho khu vực Nam Trung Bộ là khu căn cứ địa cách mạng).
 - 7- Xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (đại diện cho khu vực Tây Nguyên).
 - 8- Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (đại diện cho khu vực Đông Nam Bộ)
 - 9- Xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (đại diện cho khu vực đồng bằng Sông Cửu Long có đồng bào Khơ-me).
 - 10- Xã Định Hoà, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (đại diện cho vùng ven biển).
 - 11- Xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (đại diện vùng ven đô ở các tỉnh phía Nam).
-

ĐỀ ÁN

THÍ ĐIỂM XÂY DỰNG MÔ HÌNH NÔNG THÔN MỚI

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH NÔNG THÔN MỚI.

1. Các chủ trương của Đảng và Nhà nước.

a. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã xác định: "Xây dựng nông thôn mới ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại".

b. Kết luận số 32-KL/TW ngày 20/11/2008 Bộ Chính trị ban hành về những công việc cần triển khai để thực hiện các Nghị quyết Trung ương 7 (khoá X), trong đó có việc phân công chỉ đạo chuẩn bị Đề án "Xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá" nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Khoá X "về nông nghiệp, nông dân, nông thôn".

c. Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong đó, giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng "Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới".

Đề án "Chương trình thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới" là bước chuẩn bị về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế, chính sách, xác định mối quan hệ và trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền trong việc chỉ đạo, thực hiện... để hỗ trợ, đảm bảo việc triển khai toàn diện Chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn mới đạt tốc độ nhanh và hiệu quả thiết thực.

2. Tổng quan về thực trạng nông thôn nước ta

2.1. Những thành tựu đạt được:

Kế thừa thành tựu xây dựng nông thôn trong những giai đoạn trước, trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua, phát triển nông thôn nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có thể khái quát như sau:

a. Kinh tế nông thôn phát triển theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề đã góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn.

Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực nông thôn tăng từ 17,34% năm 2000 lên 19,3% năm 2007. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản tăng trưởng bình quân 14,8%/năm, chiếm 28% cơ cấu giá trị sản xuất và 14% giá trị xuất khẩu của toàn ngành công nghiệp cả nước. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển với 2.017 làng nghề; số hộ chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ tăng nhanh: năm 2007 là 3,46 triệu hộ, tăng 62% so với năm 2000.

Các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn tiếp tục được đổi mới. Kinh tế hộ tiếp tục phát triển theo hướng mở rộng quy mô sản xuất, góp phần chủ yếu tạo tăng trưởng nông nghiệp, thu nhập cho nông dân. Xuất hiện ngày càng nhiều gia trại, trang trại chăn nuôi, thủy sản và kinh doanh tổng hợp đạt hiệu quả kinh tế cao. Tổ hợp tác phát triển nhanh, hoạt động đa dạng, phù hợp với trình độ của nông dân ở nhiều vùng; các HTX nông nghiệp chuyển đổi và thành lập mới theo Luật, thực hiện tốt hơn vai trò hỗ trợ kinh tế hộ. Doanh nghiệp nông thôn được phát triển với nhiều thành phần kinh tế tham gia. Từ năm 2000 đến nay số lượng công ty TNHH trong nông nghiệp tăng 2,1 lần, công ty cổ phần 2,7 lần và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,5 lần; các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được sắp xếp, cổ phần hoá.

b. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được tăng cường, nhất là thủy lợi, giao thông, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

Thủy lợi tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển theo hướng đa mục tiêu. Từ năm 2000 đến nay, năng lực tưới tăng thêm 575 ngàn ha, tiêu 235 ngàn ha, đảm bảo tưới tiêu chủ động cho 83% diện tích gieo trồng lúa, một số cây trồng khác và cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ. Hệ thống đê sông, đê biển được củng cố, nâng cấp một bước, nhiều công trình tiêu thoát lũ và trên 1.100 cụm tuyến dân cư ở ĐBSCL được xây dựng và phát huy tác dụng.

Hệ thống giao thông, điện, kết cấu hạ tầng xã hội ở nông thôn có bước phát triển nhanh về số lượng. Đến nay, 96,9% số xã có đường ô tô đến khu trung tâm; 96,8% số xã và 93,3% số hộ có điện lưới quốc gia; 100% xã có

điện thoại cố định; hầu hết các xã đều có trường học, trạm y tế, trong đó hơn 40% số trường học được kiên cố hoá, 45% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 70% cư dân nông thôn có nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% số huyện có Trung tâm văn hoá, thể thao; 38,6% số xã, 36% số thôn có nhà văn hoá.

c. Các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn tiếp tục được đổi mới, phát triển đa dạng, đã huy động và sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực ở nông thôn, cư dân ở nông thôn có thêm việc làm, thu nhập được nâng cao.

Kinh tế hộ tiếp tục phát triển theo hướng mở rộng quy mô sản xuất, góp phần chủ yếu tạo tăng trưởng nông nghiệp, thu nhập cho nông dân. Xuất hiện ngày càng nhiều gia trại, trang trại chăn nuôi, thủy sản và kinh doanh tổng hợp đạt hiệu quả kinh tế cao. Tổ hợp tác phát triển nhanh, hoạt động đa dạng, phù hợp với trình độ của nông dân ở nhiều vùng; các HTX nông nghiệp chuyên đổi và thành lập mới theo Luật, thực hiện tốt hơn vai trò hỗ trợ kinh tế hộ. Doanh nghiệp nông thôn được phát triển với nhiều thành phần kinh tế tham gia. Từ năm 2000 đến nay số lượng công ty TNHH trong nông nghiệp tăng 2,1 lần, công ty cổ phần 2,7 lần và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,5 lần; các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được sắp xếp, cổ phần hoá.

d. Đời sống vật chất, tinh thần của cư dân các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện; xóa đói giảm nghèo đạt thành tựu to lớn.

Năm 2007 thu nhập bình quân đầu người vùng nông thôn đạt 6,1 triệu đồng/người/năm, tăng 2,7 lần so với năm 2000. Nhờ thu nhập tăng, nông dân ở nhiều vùng có thêm tích lũy, đã xây cất nhà ở kiên cố, khang trang, mua sắm phương tiện đi lại và các vật dụng lâu bền, điều kiện sinh hoạt được cải thiện. Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu có nhiều tiến bộ, hầu hết các xã có sổ khám bệnh cho người nghèo, nhiều bệnh dịch nguy hiểm được phát hiện và khống chế kịp thời. Công tác phổ cập giáo dục được đẩy mạnh, con em các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách được miễn, giảm học phí và vay vốn để học tập. Các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao được quan tâm và có bước phát triển hơn.

Xóa đói giảm nghèo đạt thành tựu to lớn, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Nhà nước đã có nhiều chương trình, chính sách, hình thức hỗ trợ thiết thực cho các hộ nghèo, gia đình chính sách, vùng sâu, vùng xa,

vùng đồng bào dân tộc. Đến 2007, về cơ bản đã xóa được đói, tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn còn 18%.

e. Hệ thống chính trị ở nông thôn do Đảng lãnh đạo được tăng cường; dân chủ cơ sở được phát huy; vị thế của giai cấp nông dân được nâng cao; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở được tăng cường và kiện toàn. Đến nay, 89% số thôn, bản có tổ chức đảng, 56% cán bộ công chức xã được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và quản lý. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với các đoàn thể quần chúng đóng góp tích cực giải quyết nhiều vấn đề ở nông thôn. Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ngày càng đi vào nề nếp, góp phần quan trọng tạo nên sự đồng thuận ở nông thôn.

Nông dân là lực lượng lớn, chiếm 54% tổng số lao động cả nước, là chủ thể trong phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, trình độ giác ngộ chính trị, kiến thức về sản xuất hàng hoá của nông dân được nâng lên, dần thích nghi với cơ chế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế. Mặc dù tình hình chính trị trên thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp, đời sống còn khó khăn, nhưng nông dân vẫn luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, xã hội nông thôn ổn định.

2.2. Những nhược điểm, yếu kém trong quá trình phát triển nông thôn vừa qua

Bên cạnh những thành tựu đạt được, phát triển nông thôn nước ta đang bộc lộ một số mặt khuyết điểm, yếu kém được khái quát với 4 nội dung chính như sau:

a. Nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, môi trường ngày càng ô nhiễm, năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai thấp.

Quy hoạch đô thị, xây dựng nông thôn còn rất thiếu. Tới nay mới chỉ có khoảng 20% khu dân cư nông thôn có quy hoạch xây dựng, nhưng chất lượng quy hoạch lại thấp. Đa số nông thôn phát triển tự phát, cảnh quan bị phá vỡ và nhiều nét văn hóa bị pha tạp, mai một.

Thủy lợi chưa đáp ứng đủ nhu cầu của sản xuất nông nghiệp (hiện còn 0,7 triệu ha đất lúa, 50% diện tích cà phê, 80% diện tích rau màu chưa

được tưới); chất lượng nhiều công trình xuống cấp, trung bình mới phát huy khoảng 50-70% công suất thiết kế.

Phần lớn chất lượng đường giao thông nông thôn còn thấp, chủ yếu mới phục vụ dân sinh, chưa đảm bảo phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hoá. Chưa đáp ứng đủ nhu cầu điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và dân cư nông thôn về cả chất lượng và sản lượng. Chất lượng cơ sở khám chữa bệnh còn hạn chế; nhiều trường lớp, cơ sở văn hoá còn tạm bợ, ít cơ sở hoạt động thể dục thể thao.

Môi trường nông thôn ngày càng bị ô nhiễm, chủ yếu do chất thải sinh hoạt, chăn nuôi, nông dư. Hầu hết các vùng ven đô thị, khu công nghiệp bị ảnh hưởng ngày càng trầm trọng. Nhiều làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trong khi đó mới chỉ có 33% số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, 74,7% hộ có nhà tắm, 12,2% xã có công trình thoát nước; 28,4% xã có tổ chức thu gom rác thải; năng lực dự báo, cảnh báo cũng như cơ sở hạ tầng còn thấp kém. Hệ thống phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và việc phân bố dân cư hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ sản xuất, dân sinh, nhất là để đối phó với tình trạng biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong dài hạn.

b. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn còn ở mức thấp, chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng ngày càng lớn; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc.

Hiện chưa hình thành một hệ thống an sinh xã hội thống nhất và thông suốt cho các vùng nông thôn. Hệ thống hiện hành mới nhằm bù đắp cho những người có công, cứu trợ nhất thời cho những người khó khăn khi có dịch bệnh, thiên tai. Đa số nông dân phải tự lo cho bản thân và gia đình khi gặp khó khăn, rủi ro. Hiện tại mới có khoảng 50% dân cư nông thôn có bảo hiểm y tế, những người còn lại phải tự lo khi bị bệnh.

Nếp sống văn hoá chậm hình thành (kết quả đạt được trong xây dựng nếp sống văn hoá chưa bền vững); Tệ nạn xã hội vẫn gia tăng; Mức hưởng thụ về văn hoá của nông dân còn thấp, còn có khoảng cách quá xa giữa các vùng miền; Sinh hoạt văn hoá cộng đồng còn nghèo nàn, thiếu sức hấp dẫn, thu hút. Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng có tỷ lệ người tham gia rất ít. Tình trạng nghiện ma tuý, tệ nạn mại dâm, cờ bạc có xu hướng phát triển. Một số hủ tục vẫn dai dẳng, thậm chí có nơi trở dậy mạnh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Các mối quan hệ

cộng đồng cổ truyền, nhất là quan hệ làng xã là yếu tố quan trọng làm nền tảng xã hội ở nông thôn ở nhiều nơi bị xói mòn nghiêm trọng. Nhiều quan hệ cộng đồng làng, xã trước đây được sử dụng rất có hiệu quả thì nay đang bị hành chính hoá làm méo mó các mối quan hệ ở nhiều vùng nông thôn.

Sự phân tầng xã hội ở nông thôn đang diễn ra nhanh, sự chênh lệch về điều kiện và mức sống gia tăng trong phạm vi cả nước và mỗi làng, xã. Chênh lệch về thu nhập giữa nhóm 10% giàu nhất với 10% nghèo nhất năm 2006 là 13,5 lần.

Tới nay vẫn chưa có chương trình chiến lược về đào tạo, nâng cao kiến thức cho cư dân nông thôn về xây dựng nông thôn mới. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn còn mang tính tự phát và thiếu sự chuẩn bị. Chất lượng lao động nông nghiệp, nông thôn còn thấp so với yêu cầu CNH - HĐH, nhất là ở vùng cao, vùng xa". Việc nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của nông dân nhiều nơi chưa được quan tâm thường xuyên đúng mức, khá phổ biến là quyền lợi của nông dân không được đảm bảo (phải đóng góp nhiều, bị thua thiệt khi bị thu hồi đất, việc thực thi dân chủ chưa được đảm bảo). Tình trạng nghèo khó, chênh lệch thu nhập và cuộc sống, những tiêu cực trong cuộc sống, nhất là tình trạng tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, thoái hoá, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm ảnh hưởng, xói mòn niềm tin của một bộ phận nông dân.

c. Các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn đổi mới chậm, chưa đủ sức phát triển mạnh sản xuất hàng hoá.

Kinh tế hộ đóng vai trò chủ yếu, nhưng phổ biến là quy mô nhỏ (36% hộ có dưới 0,2 ha). Kinh tế trang trại mới chỉ chiếm hơn 1% tổng số hộ nông, lâm, ngư nghiệp của cả nước. Kinh tế tập thể chậm phát triển, nhiều HTX hoạt động hình thức, chưa làm tốt vai trò cùng với kinh tế nhà nước dần trở thành nền tảng. Đổi mới, sắp xếp nông lâm trường quốc doanh tiến hành chậm, việc rà soát, điều chỉnh quỹ đất đai gặp nhiều vướng mắc. Lao động nông thôn thiếu việc làm. Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút các doanh nghiệp đầu tư nhiều vào địa bàn nông thôn.

d. Công nghiệp, dịch vụ nông thôn phát triển chậm chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn.

Số doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn còn ít và tăng chậm. Rất ít nhà máy trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, phần lớn vật

tư nông nghiệp như phân bón, thuốc thú y, bảo vệ thực vật và máy móc nông nghiệp vẫn phải nhập khẩu (năm 2007, nhập khẩu khoảng 5,5 tỷ USD). Tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế nông thôn còn chiếm hơn 40% so với 20% của cả nước, nhiều vùng chủ yếu vẫn là sản xuất nông nghiệp (thuần nông).

Chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ còn rất chậm, trong giai đoạn 2001-2006 chỉ giảm bình quân gần 2%/năm. Năng suất lao động nông nghiệp còn thấp chỉ bằng khoảng ½ của Thái Lan, Indônêxia và Philipin. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn từ nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ còn khá chậm. Trong giai đoạn 2001-2006, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm mới được 10,4% (bình quân 1 năm mới chuyển được gần 2%), trong đó chuyển sang làm công nghiệp, xây dựng 5,1%, làm dịch vụ 4,4%; lao động trong nông nghiệp đến 2006 vẫn chiếm 55,7% trong tổng số của cả nước (24,1 triệu người); do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế vừa qua làm gia tăng số lao động đã chuyển nghề quay lại làm nông nghiệp. Năng suất lao động nông nghiệp còn thấp, chưa bằng ½ của Thái Lan, Indonêxia và Philipin.

Những mặt yếu kém trong phát triển nông thôn giai đoạn qua, đang là những cản trở cho việc thực hiện các mục tiêu của CNH-HĐH, dự báo tới một sự phát triển không bền vững trong tương lai. Vì vậy, rất cần phải có chương trình phát triển tổng thể, tận dụng được những bài học kinh nghiệm, giải quyết đồng bộ các mặt yếu kém nhằm đẩy mạnh xây dựng và phát triển nông thôn mới có kinh tế phát triển, đời sống vật chất tinh thần của người dân được nâng cao, hạ tầng kinh tế xã hội hiện đại, môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp; bản sắc văn hoá được giữ gìn và phát huy; hệ thống chính trị được củng cố góp phần quan trọng vào thực hiện mục tiêu cơ bản đưa nước ta thành nước công nghiệp và hiện đại vào năm 2020.

3. Kết quả và hạn chế của một số đề án thí điểm phát triển nông thôn mới được thực hiện những năm vừa qua

Những năm qua, Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách và các cuộc vận động nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, trong đó điển hình là một số chương trình, dự án tác động nhiều đến nông thôn như: Chương trình Mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo và tạo việc làm; Chương trình 135, Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Dự án 5 triệu ha rừng... và một số chương trình, dự án lớn khác

như: phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; "Thực hiện quy chế dân chủ và cải cách thủ tục hành chính ở cơ sở"; "Phong trào xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn"; "Đề án thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới cấp thôn, bản"; Chương trình vay vốn tín dụng ưu đãi để thực hiện kiên cố hoá kênh mương, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và làng nghề nông thôn; Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ ở ĐBSCL; Chương trình khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; Chương trình 134, 120, 193... Mỗi chương trình đó đã tác động đến một hoặc một số mặt của kinh tế - xã hội nông thôn. Tuy nhiên những Chương trình có mục tiêu phát triển đồng bộ nông thôn thì rất ít, từ năm 2001 đến nay, chỉ có 2 Chương trình thí điểm của Ban Kinh tế Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng tới mục tiêu này:

3.1. Đề án thí điểm phát triển nông thôn mới cấp xã

Kể từ năm 2001, Ban Kinh tế Trung ương (trước đây) cùng với Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Bộ, ngành và địa phương đã bắt đầu triển khai xây dựng mô hình điểm "Phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hợp tác hoá, dân chủ hoá" (gọi chung là mô hình phát triển nông thôn mới cấp xã) tại các vùng sinh thái. Chương trình phát triển nông thôn đã được triển khai tại 14 xã điểm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tăng lên 18 xã trong năm 2004) và khoảng 200 xã điểm của các địa phương. Chương trình phát triển nông thôn cấp xã bao gồm 5 nội dung cơ bản: phát triển kinh tế hàng hoá với một cơ chế phù hợp khai thác được lợi thế của địa phương, có thị trường tiêu thụ; phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp với nền nông nghiệp hàng hoá đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá; xây dựng khu dân cư văn minh; tăng cường công tác văn hoá, y tế, giáo dục trong nông thôn và xây dựng đội ngũ cán bộ; tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, phát huy vai trò của cán bộ tổ chức quần chúng, thực hiện tập trung dân chủ.

Chương trình phát triển nông thôn cấp xã đã triển khai được một số hoạt động như đào tạo cho cán bộ các xã điểm, triển khai qui hoạch cho 18 xã điểm của Bộ Nông nghiệp và PTNT, lồng ghép các chương trình, dự án về khuyến nông, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cho 18 xã điểm. Nhờ vậy, cơ sở hạ tầng và bộ mặt nông thôn của các xã điểm đã có sự thay đổi đáng kể, nhiều hệ thống nước sạch, xử lý nước thải đã hình thành và đi vào hoạt động có hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp và nhất là

ngành nghề có hiệu quả cao hơn, sản phẩm làm ra cạnh tranh được trên địa bàn trong nước cũng như quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, mô hình phát triển nông thôn cấp xã đã bộc lộ một số tồn tại:

- Kế hoạch xây dựng mô hình đòi hỏi nhu cầu vốn rất lớn lại không có nguồn lực đảm bảo nên hầu hết các mô hình cấp xã đều không có tính khả thi. Mặt khác mô hình được xây dựng theo dạng dự án đầu tư phát triển nên cán bộ và người dân ở các xã "điểm" có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào nhà nước mà chưa huy động được nguồn lực của người dân và cộng đồng nên chưa mang tính xã hội sâu sắc và vì vậy thiếu tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới

- Đội ngũ cán bộ xã tuy có được đào tạo, nhưng nội dung đào tạo chưa đủ tầm, tình trạng phổ biến là chưa nắm vững yêu cầu và phương pháp triển khai dự án.

- Bộ máy tổ chức chỉ đạo triển khai chương trình không được hình thành thống nhất, đồng bộ từ cấp trung ương xuống các địa phương, không phân định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, các cấp chính quyền trong việc tổ chức chỉ đạo, triển khai, theo dõi và đánh giá chương trình nên rời rạc và hiệu quả thấp.

3.2. Đề án thí điểm xây dựng mô hình “nông thôn mới” cấp thôn, bản

Năm 2007, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã triển khai thí điểm Đề án Xây dựng “Nông thôn mới” theo phương pháp tiếp cận mới là “dựa vào nội lực và do cộng đồng làm chủ”. Đề án thí điểm này được triển khai ở 17 thôn, ấp tại 15 tỉnh đại diện cho các vùng kinh tế văn hoá khác nhau. Nội dung thực hiện chủ yếu gồm: Đào tạo nâng cao năng lực phát triển cộng đồng; Nâng cấp điều kiện sống cho người dân nông thôn; Hỗ trợ người dân phát triển sản xuất hàng hoá nông nghiệp, dịch vụ nông thôn để nâng cao thu nhập và Phát triển mỗi làng một nghề.

Qua 2 năm thực hiện, Chương trình thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đạt được những thành công nhất định với 6 nội dung:

- Đã bước đầu hình thành được 15 mô hình thực tiễn về xây dựng “nông thôn mới” theo phương pháp tiếp cận mới từ cộng đồng và do cộng đồng làm chủ.

- Bước đầu thay đổi được nhận thức của cán bộ cơ sở và người dân trong việc xác định nội dung xây dựng nông thôn mới, các bước công việc phải làm và trình tự tiến hành, cách thức huy động nội lực tại chỗ cho xây dựng nông thôn mới;

- Khơi dậy ý thức tự chủ, sáng tạo của người dân trong phát huy nội lực xây dựng nông thôn mới, không ỷ lại vào trợ giúp bên ngoài.

- Đã hình thành được tổ chức của người dân như: Ban phát triển thôn bản, là đại diện của cộng đồng dân cư thôn, bản để tự chủ trong việc bàn bạc, lựa chọn, quyết định các nội dung xây dựng nông thôn mới và cuộc sống trên địa bàn của họ.

- Đã xác định rõ hơn nội dung, phương pháp, cách làm, mối quan hệ phối hợp giữa các cấp trong xây dựng mô hình nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận từ cộng đồng thôn, bản.

- Tuy mô hình chưa hoàn thiện, nhưng đã thu hút sự quan tâm của nhiều địa phương tổ chức xây dựng thêm mô hình nông thôn mới ở địa phương (ngoài 15 mô hình thí điểm của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Tuy vậy, còn một số tồn tại:

- Nhận thức của các ngành, các cấp ở một số địa phương về xây dựng nông thôn mới còn chưa đầy đủ, chưa đúng với chủ trương của đề án đề ra là cộng đồng làm chủ thể.

- Do chưa có tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới nên việc xác định mục tiêu nhằm xác định kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là khái niệm, nội hàm nông thôn mới còn hiểu theo nhiều cách khác nhau không chỉ với cán bộ các cấp và người dân ở các điểm mà còn cả trong các đơn vị triển khai.

- Thiếu lực lượng cán bộ xây dựng nông thôn theo phương pháp tiếp cận mới nên khi thực hiện hầu hết các cán bộ và người dân đều rất lúng túng ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng.

- Do chưa có cơ chế đặc thù, do vậy việc triển khai xây dựng mô hình nông thôn mới rất lúng túng nhất là cơ chế quản lý đầu tư, tài chính.

3.3. Một số vấn đề rút ra qua việc triển khai xây dựng mô hình nông thôn mới thời gian qua.

(1) Xây dựng nông thôn mới thời gian qua thiếu định hướng do chưa có qui hoạch tổng thể cấp quốc gia và địa phương, chưa có bộ tiêu chí, chuẩn mực thể hiện các đặc trưng của nông thôn mới thời kỳ CNH-HĐH;

Chưa có được hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật làm chuẩn cho xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Thiếu đội ngũ cán bộ giỏi về xây dựng nông thôn mới làm nòng cốt chỉ đạo thực hiện ở cơ sở. Vì vậy mặc dù Đảng và Nhà nước đã đầu tư không nhỏ cho khu vực này song việc xây dựng nông thôn cấp cơ sở vẫn nặng tính tự phát, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và các nguồn lực thấp.

(2) Do đặc điểm địa lý, đất nước ta hình thành nên các vùng sinh thái, vùng kinh tế-văn hoá đặc thù, những vùng này có đặc điểm sinh thái, nhóm dân tộc sinh sống khác nhau, hiện đang có văn hoá, trình độ dân trí, trình độ phát triển kinh tế không đồng đều. Vì vậy, phát triển nông thôn vừa phải có tiêu chí chung, vừa phải xây dựng các tiêu chí đặc thù phù hợp với trình độ và đặc điểm phát triển của các vùng cũng như theo từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội. Chính sách hỗ trợ, đầu tư của nhà nước cũng phải linh hoạt để phù hợp với đặc điểm đó, thể hiện được sự quan tâm nhiều hơn cho các vùng khó khăn, đảm bảo sự phát triển hài hoà của đất nước.

(3) Xây dựng Nông thôn mới là công cuộc vì dân, do dân. Vì vậy xây dựng nông thôn mới phải hướng trước mắt vào giải quyết trước vào những vấn đề thiết thực, mang lại hưởng thụ trực tiếp cho người dân nông thôn (như: cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội trên địa bàn xã, thôn; xây dựng nếp sống văn hoá lành mạnh, an ninh tốt; bảo vệ và phát triển môi trường sinh sống sạch đẹp...), đồng thời cộng đồng dân cư phải được bàn bạc và quyết định, tổ chức thực hiện. Nhà nước cần xây dựng và cải cách các chính sách nhằm đẩy nhanh tốc độ xây dựng nông thôn mới (trong đó nhất là các cơ chế, chính sách liên quan thủ tục xây dựng cơ bản, quản lý vốn ngân sách), đảm bảo phát huy nội lực của người dân.

(4) Nguồn lực cần có để xây dựng nông thôn mới là rất lớn, cần xuất phát từ nội lực là chính nhằm đảm bảo tính bền vững. Tuy nhiên, trong điều kiện mức tích lũy của người dân nông thôn còn thấp như hiện nay (nhất là tại các vùng thuộc diện đặc biệt khó khăn) thì để đẩy nhanh tốc độ xây dựng, Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ đầu tư lớn từ ngân sách thì mới có nguồn lực tạo bước đột phá trong xây dựng nông thôn mới.

Những vấn đề nêu trên rất cần được nghiên cứu, rút kinh nghiệm và vận dụng vào công cuộc xây dựng và phát triển nông thôn trong thời kỳ mới của thời gian tới.

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH “NÔNG THÔN MỚI”

1. Mục tiêu

- Xây dựng 11 xã điểm trở thành các mô hình thực tế về nông thôn mới thời kỳ CNH - HĐH thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Tổng kết chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới (nội dung, phương pháp, cơ chế chính sách...) trình Bộ Chính trị để chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đến 2020 có hiệu quả theo yêu cầu của Nghị quyết số 26 "về nông nghiệp, nông dân, nông thôn" của Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) đã đề ra.

2. Phạm vi thực hiện đề án

a. Địa bàn:

Đề án triển khai trên 11 xã đại diện cho các vùng kinh tế - văn hoá thuộc phạm vi các tỉnh, thành phố Điện Biên, Bắc Giang, Nam Định, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Lâm Đồng, Bình Phước, Trà Vinh, Kiên Giang, thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

b. Căn cứ lựa chọn xã điểm:

- Xã có điều kiện kinh tế - xã hội ở mức *trung bình khá* của tỉnh, thành phố và của vùng.

- Đại diện cho các vùng kinh tế - văn hoá để thuận lợi cho việc tổ chức nhân rộng mô hình về sau.

- Nhân dân nhất trí cao, đồng thuận, hăng hái và tự nguyện xin tham gia chương trình thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới.

- Có đội ngũ cán bộ năng động, nhiệt tình, am hiểu về xây dựng nông thôn mới để chỉ đạo, tổ chức người dân và cộng đồng thực hiện.

- Các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động tích cực, sâu sát với đời sống của người dân.

Trên cơ sở đó, căn cứ vào đề xuất của các tỉnh, danh sách các mô hình điểm được lựa chọn như sau:

(1) Xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (đại diện cho vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc)

(2) Xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (đại diện cho đồng bằng sông Hồng)

(3) Xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (đại diện cho vùng Trung du)

(4) Xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (đại diện cho khu vực miền Trung)

(5) Xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (đại diện cho khu vực Nam Trung bộ là khu căn cứ địa cách mạng)

(6) Xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (đại diện cho khu vực Tây nguyên)

(7) Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (đại diện cho khu vực Đông Nam bộ)

(8) Xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (đại diện cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long có đồng bào Khơ Me)

(9) Xã Định Hoà, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (đại diện cho vùng ven biển)

(10) Xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh (đại diện vùng ven đô ở các tỉnh phía Nam).

(11) Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội (đại diện cho vùng ven đô của các tỉnh phía Bắc).

c. Thời gian thực hiện đề án: 3 năm, từ 2009 đến năm 2011.

3. Nguyên tắc (quan điểm) xây dựng Đề án

a. Mô hình nông thôn mới cấp xã được thực hiện theo phương châm **dựa vào nội lực của cộng đồng địa phương** (là chính). Nhà nước hỗ trợ một phần trực tiếp cho các xã; đồng thời, khơi dậy tinh thần và sức dân đóng góp tích cực tự giác để xây dựng làng quê của mình.

b. Các hoạt động cụ thể của từng mô hình thí điểm do chính người dân ở đó bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định trên cơ sở các quy chuẩn của nhà nước có sự tư vấn của cán bộ chuyên môn; Các cấp uỷ Đảng và Chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, tổ chức điều hành quá trình hoạch định

và thực thi chính sách, cơ chế, tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, nguồn lực, tạo điều kiện, động viên tinh thần... cho người dân thực hiện vai trò làm chủ thông qua cộng đồng.

c. Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường, vươn lên của nông dân; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hoá phong phú làm nền tảng tinh thần của giai cấp nông dân, tạo động lực cho quá trình xây dựng nông thôn mới.

d. Thực hiện rà soát các chương trình, dự án có liên quan đến xây dựng nông thôn trên địa bàn. Đối chiếu với tiêu chí nông thôn mới, nếu tiêu chí nào đang có chương trình, dự án triển khai nhưng mức đạt còn thấp do nguồn lực hạn chế thì bổ sung để đẩy nhanh tiến độ; tiêu chí nào chưa có chương trình, dự án thì lập dự án mới để triển khai.

e. Trong quá trình thực hiện, nếu có những chính sách, cơ chế không phù hợp, cản trở chủ trương phát huy nội lực và quyền tự quyết của cộng đồng thì được điều chỉnh và áp dụng cơ chế đặc thù.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH NÔNG THÔN MỚI

1. Xây dựng kế hoạch phát triển tổng thể xã theo các tiêu chí nông thôn mới.

Từng điểm tiến hành rà soát, đánh giá tình hình thực trạng kinh tế - xã hội của xã, xác định những mặt làm được, chưa làm được của các lĩnh vực so với Bộ tiêu chí nông thôn mới Quốc gia; xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí cho phù hợp với điều kiện của từng xã theo 5 nhóm tiêu chí sau đây:

- Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến 2020;
- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội;
- Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp;
- Phát triển văn hoá, xã hội và môi trường;
- Nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng mô hình nông thôn mới.

2.1. Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Tập trung vào các nội dung sau:

- Quy hoạch sử dụng đất;
- Quy hoạch sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ (trên cơ sở quy hoạch của huyện đã điều chỉnh theo các mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến 2020).
- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội cần thiết cho xã, thôn, bản theo chuẩn đã được các bộ chuyên ngành ban hành gồm: Điện; đường giao thông từ liên gia đến liên thôn; trường học các cấp từ mẫu giáo đến THCS; điểm bưu điện văn hoá; nhà văn hoá thôn, xã; khu thể thao.
- Quy hoạch chi tiết các khu dân cư.
- Quy hoạch môi trường (cây xanh, hồ ao, nghĩa địa, khu xử lý rác thải, hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải, cơ sở cấp nước sạch....).
- Quy hoạch chỉnh trang các di tích văn hoá, lịch sử....
- Định hình các mẫu nhà ở mang tính đa dạng với kiến trúc phù hợp với đặc điểm văn hoá của vùng, miền đáp ứng nhu cầu ăn ở văn minh, giữ bản sắc văn hoá nông thôn để người dân lựa chọn áp dụng.
- Xây dựng các thiết chế trong nông thôn (huong ước, quy ước, quy định....) của cộng đồng, nhằm tạo thuận lợi cho quản lý và giám sát thực hiện theo quy hoạch.

2.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a. Cải tạo, nâng cấp, phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống văn hoá - xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn xã. Chỉnh trang bộ mặt nông thôn, đảm bảo các điều kiện phát triển bền vững như:

- Hệ thống đường giao thông từ liên gia đến liên thôn; hệ thống điện đến hộ gia đình; hệ thống thuỷ lợi và nâng cấp các chợ.
- Xây dựng trung tâm văn hoá xã và các nhà văn hoá thôn đạt chuẩn, bản đảm bảo được chức năng hội họp, sinh hoạt văn nghệ, thư viện, vui chơi giải trí; xây dựng sân vận động xã, các khu thể thao thôn, tôn tạo các công trình văn hoá lịch sử; xây dựng trường học các cấp (từ mầm non đến THCS); xây dựng trạm y tế; điểm bưu điện xã đạt chuẩn.
- Cải tạo hệ thống thoát nước thải; hệ thống cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến các hộ; xây dựng các khu chăn nuôi, khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp để chuyển những hộ chăn nuôi quy mô lớn và sản xuất nghề tiểu thủ công nghiệp có ô nhiễm ra khỏi khu dân cư; quy hoạch và quản lý nghĩa địa.

- Phát triển cải tạo hệ thống ao, hồ sinh thái kết hợp phát triển kinh tế; trồng cây xanh, cây hoa cảnh nơi công cộng...

b. Chính trang nhà ở dân cư, bố trí sắp xếp các công trình phụ hợp lý; cải tạo tường rào, đảm bảo vệ sinh, cảnh quan đẹp cho mỗi hộ gia đình nông thôn. Làm cho người dân yêu quê hương, gắn bó lâu dài với nông thôn (người đi xa quê hương thấy tự hào và nhớ về quê hương).

2.3. Phát triển sản xuất hàng hoá và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả để tăng thu nhập cho người dân.

- Thúc đẩy sản xuất cả nông, công nghiệp và dịch vụ phát triển theo hướng hàng hoá, thị trường và theo quy hoạch; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp để hỗ trợ sản xuất có hiệu quả, tăng sức cạnh tranh trong kinh doanh, đảm bảo các mục tiêu đề ra.

- Hướng dẫn người dân lựa chọn sản xuất sản phẩm hàng hoá có lợi thế nhất theo hướng thị trường. Nhà nước hỗ trợ đầu tư để phát triển ngành hàng đó thành sản phẩm hàng hoá của địa phương theo phương châm "mỗi làng 1 sản phẩm", thực hiện "mỗi làng 1 nghề".

- Xây dựng một số hình thức kinh tế hợp tác phù hợp, trên cơ sở lựa chọn của người dân và tư vấn, hỗ trợ của Ban chỉ đạo các cấp.

- Phát triển trang trại: Mỗi xã, thôn, bản đều quy hoạch vùng đất cho công nghiệp tập trung, nuôi thủy sản tập trung hoặc cây ăn quả đặc sản, công nghiệp để phát triển trang trại (áp dụng chính sách thuê đất như đối với đất dành cho công nghiệp); Nhà nước hỗ trợ cho quy hoạch hạ tầng cơ bản (đường, điện, cấp nước và xử lý chất thải...) cho các khu trang trại tập trung và hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng hạ tầng này; Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh cho các trang trại; Hỗ trợ kinh phí đào tạo kiến thức cho các chủ trang trại (ít nhất 50%).

- Đổi mới tổ chức, nội dung hoạt động cho HTX theo hướng HTX kinh doanh tổng hợp bao gồm: hoạt động chuyên giao tiến bộ kỹ thuật; sản xuất giống; cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm; dịch vụ sản xuất và đời sống.... Thử nghiệm giải quyết vấn đề sở hữu trong HTX đối với tài sản cố định do HTX sử dụng vào kinh doanh dịch vụ (*như đường điện, kênh mương, cầu cống, nhà xưởng, trụ sở...*): phân định rõ loại tài sản UBND xã cho thuê, phạm vi quyền hạn của HTX trong việc tu sửa, nâng cấp tài sản thuê; quyền định đoạt các tài sản hình thành từ vốn của HTX... để tăng trách nhiệm về sử dụng vốn, quỹ có hiệu quả trong các HTX, không để tình trạng thiếu minh bạch như hiện nay. Thử nghiệm về việc miễn thuế thu

nhập, doanh thu cho các hoạt động sản xuất nông, lâm ngư nghiệp của tổ hợp tác và HTX trên địa bàn xã...

- Thành lập các tổ dịch vụ kỹ thuật cho sản xuất, chế biến nông sản, sửa chữa điện, cơ khí để có thể dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện theo yêu cầu của các hộ.

- Tổ chức một số chương trình liên kết sản xuất, chế biến sản phẩm có sự tham gia của HTX, nông dân (hoặc khu trang trại) với doanh nghiệp nhà khoa học trong sản xuất, chế biến nông sản.

- Tăng cường khuyến nông đối với nông dân qua các hình thức bồi dưỡng ngắn hạn, tham quan đầu bờ, bồi dưỡng kiến thức qua câu lạc bộ khuyến nông, khuyến công, khuyến thủy... . Thử nghiệm đổi mới cách bồi dưỡng kiến thức khuyến nông theo hướng coi trọng việc bồi dưỡng, hỗ trợ vốn cho nhóm nông dân nòng cốt (chọn mỗi thôn, bản chừng 15 -20 hộ làm ăn giỏi), bồi dưỡng đào tạo kỹ hơn cho họ về kỹ thuật sản xuất cây, con hàng hoá có triển vọng; bồi dưỡng kiến thức thị trường, thông tin thương mại, kỹ năng hợp tác để họ trở thành các “đầu tàu” thúc đẩy đổi mới cách làm ăn ở địa phương; Thành lập quỹ khuyến nông, quỹ bảo hiểm rủi ro để trợ giúp nông dân trong sản xuất nông nghiệp ở nông thôn.

- Phát triển thị trường tiêu thụ hàng nông sản tại xã dựa trên lợi thế và quy hoạch hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, chất lượng tốt, tạo điều kiện “*kéo thị trường đến đồng ruộng*”. Bên cạnh đó phải quy hoạch và xây dựng nâng cấp chợ quê hoặc kết nối với chợ nông sản đầu mối khu vực (làm giao thông đến chợ, dành gian hàng tại chợ) để thuận lợi cho tiêu thụ nông sản và quảng bá thương hiệu nông sản cho xã điềm.

2.4. Xây dựng đời sống văn hoá phong phú, lành mạnh.

- Xây dựng nông thôn có đời sống văn hoá, tinh thần lành mạnh, phong phú; Bản sắc văn hoá được gìn giữ, nhiệt tình cách mạng được phát huy, tạo sức mạnh nội sinh cho phát triển bền vững.

- Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao cấp xã và thôn, bản: Quy hoạch và xây dựng 1 điểm chơi thể thao ở thôn, bản (gắn với nhà văn hoá thôn). Đảm bảo điều kiện vui chơi hàng ngày cho mọi lứa tuổi (bóng đá mini, cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn, cờ tướng...); mỗi thôn có 1 nhà văn hoá đảm đương chức năng hội họp và học tập của cộng đồng thôn, có tủ sách và phòng đọc sách, có hệ thống vi tính nối mạng để cung cấp thông tin và học tập tin học cho thanh niên, có vườn sinh cảnh

hoặc cây bóng mát... để tạo thành một điểm hấp dẫn đến của các lứa tuổi trong cộng đồng.

- Xây dựng 1 cơ chế thúc đẩy cho tư nhân đầu tư vào lĩnh vực phát triển hoạt động văn nghệ, thể thao cho nông dân, giao cho các đoàn thể tổ chức thúc đẩy phát triển hoạt động văn nghệ, thể thao cho hội viên.

- Xây dựng quy ước làng xóm (hương ước) về nếp sống văn hoá nông thôn: khuyến khích học tập để vươn lên làm chủ cuộc sống, sống nhân ái, giúp đỡ đùm bọc nhau, giúp nhau giảm nghèo, vươn lên làm giàu ngay tại địa phương mình. Lành mạnh hoá việc cưới, việc tang; chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội; giữ gìn vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Xây dựng hình mẫu người nông dân sản xuất hàng hoá khá giả, giàu có, văn hoá.

2.5. Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Sửa chữa, khắc phục tình trạng ô nhiễm về nguồn nước, không khí hiện nay ở địa bàn xã. Xây dựng cảnh quan môi trường sinh thái ở mỗi gia đình và khu vực cộng đồng theo hướng xanh - sạch - đẹp. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ, nội dung bảo vệ phát triển môi trường cho các xã để nâng cao trách nhiệm của cán bộ cơ sở và làm căn cứ để người dân chủ động tham gia giám sát.

- Xây dựng, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước thải, hệ thống xử lý rác thải đơn giản (ví dụ như quy hoạch và xây dựng nơi đổ rác chung cho cộng đồng); hệ thống cấp nước sinh hoạt... *(tùy theo điều kiện cụ thể của xã, xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung hoặc phân tán để đảm bảo cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho đa số người dân trong xã).*

- Chuyển các trại chăn nuôi tập trung, cơ sở ngành nghề gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư; xây dựng hầm biogas cho mỗi hộ; mỗi thôn hoặc liên thôn có 01 tổ chức thu gom, xử lý rác thải tại khu tập trung.

- Chính trang nghĩa địa theo quy hoạch và xây dựng quy chế quản lý.

- Thử nghiệm chính sách bắt buộc doanh nghiệp sản xuất dịch vụ trên địa bàn có ảnh hưởng xấu đến môi trường đều phải nộp phí mua bảo hiểm môi trường.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm về bảo vệ, phát triển môi trường để nhân rộng cho các địa phương tương thích.

2.6. Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở

- Nâng cao chất lượng hoạt động, vai trò mối quan hệ của các tổ chức của hệ thống chính trị cơ sở dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã trong phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng.

- Rà soát, đánh giá thực trạng vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Xác định rõ vai trò của mỗi tổ chức trong xây dựng nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Bổ sung chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức đoàn thể chính trị cho phù hợp với nhiệm vụ (*đặc biệt cần nghiên cứu, xây dựng mô hình thí điểm hoạt động của Hội nông dân xã theo mô hình "nông hội" theo đề xuất của Hội Nông dân Việt Nam*).

- Bổ sung quy chế hoạt động của các đoàn thể chính trị theo nhiệm vụ mới, đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, thông suốt của Đảng bộ đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng.

- Tổ chức học tập, bồi dưỡng nâng cao kiến thức của cán bộ, hội viên, đảng viên đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Chuẩn hoá đội ngũ cán bộ cơ sở.

3. Một số cơ chế chính sách đặc thù được thực hiện trong chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới

3.1. Đối với cơ chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đổi mới theo hướng:

Để huy động tốt hơn nguồn lực và đẩy nhanh hơn tiến độ xây dựng nông thôn, đề nghị cho phép thực hiện cơ chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng:

- *Xây dựng, quản lý, vận hành và bảo dưỡng*: Các công trình xây dựng trên địa bàn xã, do xã, người dân và cộng đồng cùng quản lý, vận hành và bảo dưỡng (Giao Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã làm chủ đầu tư và quản lý).

- Về quy trình lập, thẩm định và phê duyệt nội dung xây dựng nông thôn mới: Các công trình xây dựng cơ bản đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao như xây dựng nhà văn hoá, trường học, trạm xá, đường giao thông, cầu cống... bắt buộc phải có thiết kế kỹ thuật theo qui định hiện hành, UBND huyện thẩm định và phê duyệt; Các công trình khác không đòi hỏi kỹ thuật cao thì UBND xã lập báo cáo đầu tư, phê duyệt và tổ chức thực hiện (Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ ban hành quy định về quy trình này).

- Về triển khai thực hiện: việc lựa chọn đơn vị, cá nhân thi công do cộng đồng và người dân bàn bạc, quyết định. Cộng đồng thành lập Ban giám sát xây dựng (có thể sử dụng ban thanh tra nhân dân thuộc cộng đồng) để giám sát việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

3.2. Đối với cơ chế quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho xây dựng nông thôn mới đổi mới theo hướng:

a. Với loại vốn ngân sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng:

- Xác định rõ loại ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% như: chi phí cho công tác qui hoạch, xây dựng trục giao thông nối trụ sở xã tới trục đường giao thông quốc gia gần nhất, trường học, trạm xá, hệ thống cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trụ sở UBND xã

- Loại ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một phần (gồm các công trình hạ tầng còn lại): đối với các xã điểm, ngân sách nhà nước hỗ trợ cho loại công trình này không quá 70% tổng kinh phí thực hiện.

- Cơ chế cấp vốn: vốn ngân sách hỗ trợ cho các điểm mô hình áp dụng cơ chế: kho bạc nhà nước cấp thẳng vào tài khoản của UBND xã và chỉ căn cứ vào kế hoạch xây dựng đã được Ban chỉ đạo phê duyệt.

- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã được giao nhiệm vụ chủ đầu tư: sẽ có nhiệm vụ tiếp nhận vốn, chủ động quyết định thu chi theo mục tiêu, công khai báo cáo định kỳ để cộng đồng biết và giám sát.

- Cơ chế thủ tục thanh quyết toán: vốn xây dựng NTM thực hiện ở cấp xã thôn bản thường hỗn hợp từ nhiều nguồn. Các nguồn có liên quan đến ngân sách hỗ trợ khi quyết toán phải có xác nhận của trưởng ban giám sát xây dựng, trưởng ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã, chủ tịch UBND xã là đủ căn cứ quyết toán.

b. Đối với vốn ngân sách hỗ trợ cho các nội dung xây dựng NTM ngoài xây dựng cơ bản. Chính sách hỗ trợ đối với xã mô hình điểm áp dụng theo mức:

- Hỗ trợ không quá 70% kinh phí thực hiện dự án phát triển “mỗi làng một sản phẩm hàng hoá”

- Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ cơ sở xã thôn bản, cán bộ HTX, chủ trang trại.

Căn cứ vào chính sách và nhu cầu của địa phương, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã lập kế hoạch phát triển theo các mục tiêu đã định, trình Ban chỉ đạo tỉnh thẩm định để đảm bảo mục tiêu thí điểm, UBND xã phê duyệt là đủ điều kiện nhận vốn.

- Thủ tục cấp vốn và quyết toán các công trình tương tự như đối với quy định về xây dựng cơ bản.

4. Tổng kết chương trình thí điểm

Tổng kết tình hình, kết quả chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới ở 11 xã thực hiện thí điểm, nêu rõ những thành tựu, hạn chế, những kinh nghiệm rút ra từ việc xây dựng các mô hình thí điểm (cả việc xác định tiêu chí, nội dung, cách làm, cơ chế, chính sách, trách nhiệm, mối quan hệ chỉ đạo trong xây dựng nông thôn mới...).

Từ kết quả chương trình thí điểm, xây dựng đề án xây dựng nông thôn mới trình Bộ Chính trị để triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước đến năm 2020.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tăng cường công tác truyền thông

Tổ chức các hoạt động phổ biến, quán triệt tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các thông tin về nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới; các mục tiêu cần đạt được về xây dựng nông thôn mới; mức độ, hình thức đóng góp của người dân và cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới; kinh phí, nội dung hỗ trợ của nhà nước... để cán bộ và người dân hiểu rõ nội dung xây dựng nông thôn mới và chủ động tự giác tham gia, đồng thời để tranh thủ sự hỗ trợ của doanh nghiệp, thu hút hợp tác quốc tế...

2. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới

Tập huấn cho người dân và cán bộ về yêu cầu xây dựng nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đảm bảo họ tự lập kế hoạch phát triển (trên cơ sở quy hoạch và tiêu chí xây dựng nông thôn mới) và tổ chức thực hiện các nội dung chương trình đạt hiệu quả, bao gồm:

- Chuẩn hoá, sàng lọc, bồi dưỡng và đưa đi đào tạo cán bộ cấp xã để đảm bảo đến 2013: Cán bộ các xã điểm này đạt trình độ văn hoá cấp 3 và được đào tạo 1 nghề chuyên môn trình độ trung cấp trở lên phù hợp với chức danh được giao.

- Đào tạo, kiến thức quản lý cho cán bộ HTX, chủ trang trại.

- Tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho nông thôn gồm: Xây dựng các mô hình trình diễn, mô hình khuyến nông - lâm - ngư; mô hình cơ giới hoá trong sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch để người dân tham quan học tập kinh nghiệm.

- Thử nghiệm một số hình thức tổ chức học nghề phi nông nghiệp (chờ chuyên nghề) ngay tại cộng đồng để thuận tiện cho thanh niên ở mỗi làng xã đều có cơ hội tiếp cận và theo học.

3. Đầu tư nghiên cứu khoa học để giải quyết những nhiệm vụ trong xây dựng nông thôn mới ở xã mô hình điểm

- Nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý xây dựng cơ bản và cơ chế quản lý vốn ngân sách hỗ trợ cho xây dựng nông thôn mới theo hướng đơn giản, dễ làm, phù hợp với đặc thù quản lý và đặc thù huy động vốn ở cấp cơ sở, phù hợp với phương thức trao quyền cho cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế thúc đẩy liên kết “4 nhà” trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm;

- Nghiên cứu cơ chế lồng ghép vốn các công trình trên địa bàn xã.

- Phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư xây dựng nông thôn mới.

- Nghiên cứu, tổng kết xây dựng nông thôn mới ở các mô hình tốt, đã có ở các địa phương để bổ sung cho việc tổng kết các mô hình vào cuối năm 2011 trình Bộ Chính trị.

4. Huy động các nguồn lực cho xây dựng cho các mô hình.

- *Nguồn vốn xây dựng mô hình điểm* gồm Ngân sách nhà nước, sự đóng góp của người dân và cộng đồng; các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; vốn vay...

- *Chính sách hỗ trợ ngân sách*: Để phát triển bền vững và đảm bảo tính nhân rộng của mô hình thì về nguyên tắc phải coi nguồn vốn nội lực phải là chính, tuy nhiên trong bối cảnh tích lũy từ phía người dân còn hạn chế như hiện nay (nhất là những xã thuộc diện đặc biệt khó khăn) thì sự hỗ

trợ của nhà nước cần phải tăng cường mới tạo được cú hích thúc đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới (đặc biệt là các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn). Tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (ước tính) 10 xã điểm khoảng: 100 tỷ đồng, mỗi năm dự tính cần 33 tỷ đồng để thực hiện chương trình đạt các mục tiêu đã định. Mức vốn cho 01 xã điểm sẽ được cụ thể hoá khi dự án được thẩm định, phê duyệt.

- *Tạo vốn cho ngân sách xã:* để tạo nguồn cho ngân sách xã chủ động thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông thôn mới trên địa bàn xã thì cho phép xã được “tạo vốn” từ đất (qua đó sẽ rút kinh nghiệm về cơ chế và mở rộng đối với các xã sau này).

- *Huy động các nguồn tài trợ từ bên ngoài,* kêu gọi sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như WB, ADB...các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước nhằm tăng nguồn lực cho chương trình.

- *Huy động các nguồn lực sẵn có trong nhân dân các địa phương tham gia chương trình.* Tùy theo điều kiện và khả năng của từng địa phương để xây dựng cơ chế đóng góp phù hợp bằng sức người, sức của, phát huy tối đa tính sáng tạo và sự tham gia đóng góp của người dân, của doanh nghiệp tại địa phương.

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Kế hoạch xây dựng thí điểm mô hình “nông thôn mới” chia làm 3 giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Chuẩn bị đề án.

- Đến hết quý 1/2009: Hoàn chỉnh Tờ trình, Đề án và các tài liệu kèm theo để trình Ban Bí thư phê duyệt đề án trong tháng 4/2008;

- Đầu quý 2/2009: Triển khai xuống tỉnh, huyện, xã. Xây dựng đề án cụ thể cho từng xã được chọn làm điểm.

- Cuối tháng 6/2009: Phê duyệt xong đề án cho 11 xã điểm và triển khai thực hiện ở các xã điểm.

Giai đoạn 2: Triển khai thực hiện đề án ở các xã.

Từ tháng 7/2009 đến quý 2/2011: Tổ chức thực hiện đề án xây dựng thí điểm mô hình “nông thôn mới” tại địa bàn xã. Cuối năm 2009 sơ kết rút kinh nghiệm.

Giai đoạn 3: Tổng kết mô hình thí điểm.

Quý 2/2011: Chuẩn bị tổng kết đề án;

Quý 3/2011: Báo cáo Bộ Chính trị về kết quả thực hiện chương trình xây dựng thí điểm mô hình “nông thôn mới”, khi có kết luận của Bộ Chính trị sẽ triển khai ra diện rộng cho giai đoạn đến 2020.

VI. TỔ CHỨC QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH

1. Ở Trung ương:

Thành lập Ban chỉ đạo Trung ương về xây dựng nông thôn mới do đ/c thường trực Ban Bí thư làm trưởng Ban. Thành viên là lãnh đạo các Bộ, Ban, Ngành có liên quan ; Ban chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo xây dựng mô hình nông thôn mới ở các điểm đã chọn.

- Ban Chỉ đạo thành lập tổ công tác giúp việc.

- Phê duyệt Đề án chung về "*chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ CNH - HĐH*". Phê duyệt đề án chi tiết của 11 xã mô hình và trực tiếp chỉ đạo 11 mô hình xã thí điểm theo đề án được duyệt.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện, ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chế quản lý của ngành phục vụ cho chương trình xây dựng nông thôn mới thời kỳ CNH - HĐH.

- Phân công mỗi thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách 01 xã điểm để chỉ đạo thực hiện mô hình;

- Chỉ đạo tổng kết các mô hình “nông thôn mới” đã có ở các địa phương cùng rút kinh nghiệm.

- Tổ chức khảo sát kinh nghiệm quốc tế.

- Lập kế hoạch bố trí kinh phí hỗ trợ và hướng dẫn cơ sở lồng ghép các chương trình do các bộ, ngành quản lý để sử dụng vốn cho mô hình có hiệu quả trên địa bàn xã.

- Thực hiện đánh giá, giám sát quá trình thực hiện dự án:

+ Quy định hệ thống các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện chương trình, dự án, bao gồm các chỉ tiêu đầu vào, đầu ra và các chỉ số về tác động của chương trình, dự án.

+ Quy định chế độ thu thập, báo cáo thông tin về tình hình thực hiện chương trình, dự án. Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra giám sát, đánh giá việc thực hiện của từng dự án và của toàn bộ chương trình, bao gồm thời gian tiến hành, cơ quan thực hiện, nội dung và các tiêu chí

làm căn cứ để theo dõi, kiểm tra giám sát, đánh giá tình hình thực hiện, biểu mẫu và lịch trình báo cáo và cơ quan nhận báo cáo.

+ Tổ chức giám sát, đánh giá ở các cấp vào kỳ cuối năm; Sử dụng hoạt động giám sát đánh giá của 01 đơn vị tư vấn độc lập được thực hiện vào cuối kỳ 2009, 2010 và 2011.

- Cuối kỳ tiến hành đánh giá, tổng kết tổng thể về thí điểm mô hình, hình thành nội dung, phương pháp về xây dựng “nông thôn mới” và kiến nghị Bộ Chính trị cho phép tổ chức nhân rộng mô hình.

2. Các tỉnh có mô hình thí điểm.

a. Thành lập Ban chỉ đạo của tỉnh do đồng chí Bí thư tỉnh uỷ làm Trưởng Ban, thành phần gồm các cán bộ của tỉnh và huyện (có xã điểm).

b. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh :

- Thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương phân công.

- Thành lập 01 tổ công tác hỗn hợp làm nhiệm vụ tư vấn và chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp để xây dựng thí điểm mô hình, thành viên là chuyên gia các cơ quan chuyên môn, am hiểu các nội dung về xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức tuyên truyền tạo chuyển biến trong nhận thức của cán bộ và cộng đồng dân cư về xây dựng nông thôn mới để huy động sự tham gia tích cực của mọi tầng lớp nhân dân vào xây dựng điểm mô hình nông thôn mới.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, bố trí kinh phí và tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn để xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới.

3. Ở xã điểm

a. Thành lập Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã; Trưởng Ban là chủ tịch UBND xã, thành viên là đại diện một số Ban chức năng và đoàn thể xã, đại diện các thôn, một số cá nhân có kiến thức (nên là cán bộ hưu) đang là công dân sinh sống trong cộng đồng thôn, bản....

b. Nhiệm vụ của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã:

+ Thực hiện các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo tỉnh phân công;

+ Chịu trách nhiệm trực tiếp về các nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;

+ Tiếp nhận các nguồn lực hỗ trợ và đóng góp của cộng đồng;

+ Tự triển khai xây dựng kế hoạch phát triển xã *(trên cơ sở định hướng của Nhà nước, các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn đã ban hành và khả năng nội lực của địa phương)*.

+ Tổ chức cho người dân và cộng đồng thực hiện chương trình;

+ Tham gia đánh giá, tổng kết sơ kết và nhân rộng mô hình.

*

* *

Chương trình xây dựng thí điểm mô hình “nông thôn mới” lần này là nhằm hình thành rõ hơn một bước về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách và trách nhiệm giữa các cấp trong chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, đồng thời tạo ra hình mẫu thực tế về nông thôn mới trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá, đặt nền móng cho triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có hiệu quả trong những năm tới đây.

Bởi vậy, không chỉ cần sự nỗ lực đóng góp công sức của các thành viên Ban chỉ đạo các cấp mà cần huy động sự tham gia của các nhà khoa học, các tổ chức quốc tế, cộng đồng doanh nghiệp và mọi người dân quan tâm thực hiện./.

BAN CHỈ ĐẠO

BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI

A. XÃ NÔNG THÔN MỚI

I. QUY HOẠCH

T T	Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Đơn vị tính	Mức chung	Chia theo vùng							
					TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải nam TB	Tây Nguyên	Đông nam bộ	ĐB Sông Cửu Long	
1	Có quy hoạch và phát triển theo quy hoạch	<p>Hoàn chỉnh Quy hoạch chi tiết phát triển KT-XH trên địa bàn xã đến năm 2020, gồm:</p> <p>1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ</p> <p>1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới</p> <p>1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hoá tốt đẹp</p>	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Đơn vị tính	Mức chung	Chia theo vùng						
					TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải nam TB	Tây Nguyên	Đông nam bộ	ĐB Sông Cửu Long
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường trục xã, liên xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT (số km đạt được/tổng số)	%	100	100	100	100	100	100	100	100
		2.2. Tỷ lệ đường trục thôn, xóm được cứng hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT (số km đạt được/tổng số)	%	70	50	100	70	70	70	100	50
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa. (số km đạt được/tổng số)	%	100	100 (50% cứng hóa)	100% cứng hóa	100 (70% cứng hóa)	100 (70% cứng hóa)	100 (50% cứng hóa)	100% cứng hóa	100 (30% cứng hóa)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện (số km đạt được/tổng số)	%	65	50	100	70	70	70	100	50
3	Thủy lợi	3.1. Có các công trình thủy lợi đáp ứng cơ bản nhu cầu sản xuất và dân sinh	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Tỷ lệ kênh mương cấp 3 do xã quản lý được kiên cố hóa	%	65	50	85	85	70	45	85	45
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Đơn vị tính	Mức chung	Chia theo vùng						
					TDMMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải nam TB	Tây Nguyên	Đông nam bộ	ĐB Sông Cửu Long
4	Hệ thống điện	4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	%	98	95	99	98	98	98	99	98
5	Cơ sở vật chất trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	%	80	70	100	80	80	70	100	70
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.2. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn Bộ VH-TT-DL	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
7	Chợ nông thôn	Chợ được xây dựng theo quy hoạch, đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Bưu điện	8.1. Bưu điện xã đạt chuẩn Bộ Thông tin và Truyền thông	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	8.2. Có mạng Internet đến nhà văn hoá thôn	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	-	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
9	Nhà ở dân cư	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	%	80	75	90	80	80	75	90	70

III. KINH TẾ VÀ TÒ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên chỉ	Mô tả tiêu chí	Đơn vị tính	Mức chung	Chia theo vùng						
					TĐMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải nam TB	Tây Nguyên	Đông nam bộ	ĐB Sông Cửu Long
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của tỉnh	lần	1,4	1,2	1,5	1,4	1,4	1,3	1,5	1,3
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	%	<6	10	3	5	5	7	3	7
12	Cơ cấu lao động	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	%	<30	45	25	35	35	40	20	35
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	-	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có

IV. VĂN HÓA – XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mẫu giáo 5 tuổi, tiểu học, THCS theo quy định	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được học tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	%	85	70	90	85	85	70	90	80
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	>35	>20	>40	>35	>35	>20	>40	>20

TT	Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Đơn vị tính	Mức chung	Chia theo vùng							
					TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải nam TB	Tây Nguyên	Đông nam bộ	ĐB Sông Cửu Long	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế	%	30	20	40	30	30	20	40	20	
		15.2. Đạt chuẩn quốc gia về y tế xã	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hoá theo quy định của Bộ VH-TT-DL	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	%	85	70	90	85	85	85	90	75	
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.3. Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
17	Môi trường	17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch;	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.5. Chất thải được thu gom và xử lý theo quy định	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	